TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Tiểu Nhi

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh B; sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu ngày 27/3/2023 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh B có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và anh chị chung sống với nhau khoảng 03 tháng tại nhà của anh B tại Đài Loan, sau đó chị A trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mỗi người ở một nơi nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B. Chị A xác định vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2024, bị đơn anh B trình bày : Anh và chị A tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc

Liêu, ngày 27/3/2023. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do mỗi người ở một nơi, không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn; nay chị A yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý. Về con chung không có, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, căn cứ các Điều 56, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị A và anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết; án phí, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B là người nước ngoài đang cư trú tại địa chỉ: Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của anh B, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật. Do anh B có yêu cầu xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

Đối với nguyên đơn chị A: Ngày 10/6/2024, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu thể hiện chị A và anh B kết hôn ngày 27/3/2023, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của

chị A và anh B có sơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống với nhau trong thời gian ngắn tại Đài Loan, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể quan tâm đến nhau do mỗi người ở một nơi, không còn tình cảm, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó, giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị A được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Về quan hệ con chung: Chị A và anh B thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, căn cứ các Điều 56, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị A được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 273, Điều 280, Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Chị A và anh B thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000311 ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND thị xã O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt